

Bản án số: **40/2020/KDTM-ST**

Ngày: 23/9/2020

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Tiến Lợi

- Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Hùng - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2020/TLST-KDTM ngày 11/6/2020 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng B; địa chỉ: Số 25 T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Lê Văn T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng B

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Đình K; chức vụ: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng B (Văn bản ủy quyền số 359/2018/UQ-B ngày 20/4/2018).

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc T; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Khối xử lý nợ, Ngân hàng B (Văn bản ủy quyền số 3901B/2019/UQ-B ngày 26/3/2019). Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu Đ**, sinh năm 1979 - Là đại diện hộ kinh doanh “*Nguyễn Hữu Đ*”. Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1991 (là vợ ông Nguyễn Hữu Đ). Vắng mặt.
2. Cháu Nguyễn Hữu T, sinh năm 2018.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Hữu T: Ông Nguyễn Hữu Đ (là bố đẻ của cháu Nguyễn Hữu T).

Đều cư trú tại: Thôn C, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Năm 2017, Ngân hàng B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) - Chi nhánh Láng Hạ ký kết các hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và hợp đồng thế chấp tài sản để cho ông Nguyễn Hữu Đ vay vốn. Cụ thể như sau:

- Ngày 17/8/2017, Ngân hàng ký “*Hợp đồng tín dụng từng lần*” số 1722900078/HĐTDTL, cho ông Nguyễn Hữu Đ vay 420.000.000 đồng để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh; thời hạn vay 48 tháng; lãi suất cho vay 8,5%/năm trong 06 tháng đầu, từ tháng thứ 07 lãi suất cho vay bằng lãi suất VND kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm tiết kiệm lĩnh lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân + biên độ 3,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với dư nợ gốc và 10%/năm đối với dư nợ lãi chậm trả. Ngân hàng đã giải ngân cho ông Đoán 420.000.000 đồng theo “*Giấy nhận nợ*” số 1722900078/HĐTDTL ngày 25/8/2017.

- Ngày 30/8/2017, Ngân hàng phê duyệt hợp đồng hạn mức phát hành thẻ tín dụng Visa cho ông Đoán với dư nợ 20.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng. Ông Đ đã sử dụng 18.615.287 đồng.

- Tài sản bảo đảm cho 02 khoản vay trên là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 30-2016, diện tích 194,8m² (gồm 100m² đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài và 94,8m² đất vườn, thời hạn sử dụng đến tháng 5/2054),

địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 610906 do Sở Tài nguyên và Môi trường, thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Hữu Đ ngày 22/11/2016, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS-CM 02792. Việc thế chấp thực hiện theo “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*” được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Tú, thành phố Hà Nội số 4308.2017/HĐTC, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/8/2017; đăng ký thế chấp tại Văn Phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Chương Mỹ ngày 18/8/2017. Phạm vi bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phạt chậm trả của các hợp đồng tín dụng giữa ông Đ và Ngân hàng.

Quá trình thực hiện, ông Đ đã trả cho Ngân hàng 46.603.620 đồng (trong đó tiền gốc là 35.000.000 đồng, tiền lãi là 11.603.620 đồng). Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 17/4/2018 Ngân hàng thông báo thu hồi nợ trước hạn, yêu cầu ông Đ phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trước hạn ngày 23/4/2018.

Ngân hàng yêu cầu ông Đ phải trả số tiền còn nợ theo “*Hợp đồng tín dụng từng lần*” số 1722900078/HĐTDTL ngày 17/8/2017, “*Giấy nhận nợ*” số 1722900078/HĐTDTL ngày 25/8/2017 và Hợp đồng hạn mức tín dụng khi phát hành thẻ tín dụng Visa ngày 30/8/2017, tính đến hết ngày 22/9/2020 là 580.946.988 đồng (trong đó nợ gốc 403.615.287 đồng, nợ lãi trong hạn 77.512.700 đồng, nợ lãi quá hạn 67.459.382 đồng và lãi phạt trên lãi trong hạn chậm trả 32.359.619 đồng). Kể từ ngày 23/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Đ còn phải tiếp tục chịu tiền lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt trên lãi trong hạn chậm trả) phát sinh trên số tiền nợ chưa thanh toán theo lãi suất trong hạn, quá hạn, lãi phạt trên lãi trong hạn chậm trả đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ. Trường hợp ông Đ không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ mà giá trị tài sản thu được không đủ để trả các khoản nợ thì ông Đ phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán hết số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng.

- Ý kiến của bị đơn: Thừa nhận việc ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản và giấy nhận nợ để vay vốn Ngân hàng, cũng như số tiền vay, số tiền đã trả, số tiền còn nợ như Ngân hàng trình bày là đúng. Do làm ăn khó khăn, doanh nghiệp bị phá sản không có khả năng trả nợ nên đề nghị Ngân hàng miễn

toàn bộ tiền lãi và cho được trả tiền gốc. Trường hợp không trả được nợ thì đồng ý cho Ngân hàng phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

- **Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án làm việc và không gửi ý kiến về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

- **Tại “Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ” ngày 17/7/2020 thể hiện:**

Tài sản thế chấp hiện do ông Nguyễn Hữu Đ đang sử dụng và quản lý, không cho ai thuê mượn hay ở nhờ. Tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà mái tôn, 01 nhà lợp tôn dùng để ở, 01 nhà vệ sinh, 01 nhà mái tôn sử dụng để làm kho và xưởng sửa chữa máy đá, hàn xì, 01 nhà bếp lợp tôn. Những người đang ở trên đất gồm ông Nguyễn Hữu Đ, bà Lê Thị T, cháu Nguyễn Hữu T.

- **Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt trên lãi chậm trả; chấp nhận yêu cầu được đề nghị xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ; bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- **Về tố tụng:** Ông Nguyễn Hữu Đ vay vốn của Ngân hàng để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh “*Nguyễn Hữu Đ*” do ông Nguyễn Hữu Đ là người đại diện theo pháp luật, nay tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán nên đây là tranh chấp kinh doanh, thương mại. Căn cứ các điều 30, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Trước khi mở phiên tòa, bà Lê Thị T đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị T.

- **Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn:**

[1]. Về yêu cầu buộc ông Nguyễn Hữu Đ thanh toán khoản nợ tính đến ngày 22/9/2020 và tiếp tục chịu tiền lãi kể từ ngày 23/9/2020:

- *Đối với khoản tiền gốc và tiền lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt trên lãi trong hạn chậm trả):*

Thỏa thuận về số tiền vay, lãi suất, nghĩa vụ thanh toán ghi trong “*Hợp đồng tín dụng từng lần*” số 1722900078/HĐTDTL ngày 17/8/2017, “*Giấy nhận nợ*” số 1722900078/HĐTDTL ngày 25/8/2017 và Hợp đồng hạn mức tín dụng khi phát hành thẻ tín dụng Visa ngày 30/8/2017 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Chứng từ về việc giải ngân; số tiền đã thanh toán; số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, lãi phạt trên lãi trong hạn chậm trả chưa thanh toán do Ngân hàng cung cấp là chính xác và được ông Đ thừa nhận. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông Đ phải thanh toán trả Ngân hàng khoản nợ tính đến hết ngày 22/9/2020 là 580.946.988 đồng (trong đó nợ gốc 403.615.287 đồng, nợ lãi trong hạn 77.512.700 đồng, lãi quá hạn 67.459.382 đồng và lãi phạt trên lãi trong hạn chậm trả 32.359.619 đồng).

- *Đối với yêu cầu buộc ông Đ phải tiếp tục chịu lãi kể từ ngày 23/9/2020:*

Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, Luật các tổ chức tín dụng và thỏa thuận của các đương sự về nghĩa vụ chịu lãi, lãi suất trong “*Hợp đồng tín dụng từng lần*” số 1722900078/HĐTDTL ngày 17/8/2017, “*Giấy nhận nợ*” số 1722900078/HĐTDTL ngày 25/8/2017 và Hợp đồng hạn mức tín dụng khi phát hành thẻ tín dụng Visa ngày 30/8/2017 thì yêu cầu của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận. Do vậy, kể từ ngày 23/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Đoán còn phải tiếp tục chịu lãi (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt trên lãi trong hạn chậm trả) đối với số nợ chưa thanh toán theo lãi suất do các bên thỏa thuận trong “*Hợp đồng tín dụng từng lần*” số 1722900078/HĐTDTL ngày 17/8/2017, “*Giấy nhận nợ*” số 1722900078/HĐTDTL ngày 25/8/2017 và Hợp đồng hạn mức tín dụng khi phát hành thẻ tín dụng Visa ngày 30/8/2017.

[2]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Việc ký kết “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*” là hoàn toàn tự nguyện, các đương sự đều thừa nhận; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc đề nghị được xử lý tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay trong trường hợp ông Đ không thanh toán được khoản nợ.

Phạm vi bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phạt chậm trả của các hợp đồng tín dụng giữa ông Đ và Ngân hàng.

- **Về án phí:** Ông Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các điều 299, 323, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Luật các tổ chức tín dụng;
- Áp dụng Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B đối với ông Nguyễn Hữu Đ về việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và tiền lãi phạt trên lãi trong hạn chậm trả theo “*Hợp đồng tín dụng từng lần*” số 1722900078/HĐTDTL ngày 17/8/2017, “*Giấy nhận nợ*” số 1722900078/HĐTDTL ngày 25/8/2017 và Hợp đồng hạn mức tín dụng khi phát hành thẻ tín dụng Visa ngày 30/8/2017. Cụ thể:

1.1. Buộc ông Nguyễn Hữu Đ phải thanh toán trả cho Ngân hàng B số tiền còn nợ tính đến hết ngày 22/9/2020 gồm các khoản sau:

- Tiền gốc: 403.615.287 đồng;
- Tiền lãi trong hạn: 77.512.700 đồng
- Tiền lãi quá hạn: 67.459.382 đồng
- Tiền lãi phạt trên lãi trong hạn chậm trả: 32.359.619 đồng.

Tổng cộng: **580.946.988** đồng (*Năm trăm tám mươi triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi tám đồng*).

1.2. Kể từ ngày 23/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Nguyễn Hữu Đ còn phải tiếp tục chịu lãi (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt trên lãi trong hạn chậm trả) theo thỏa thuận trong “*Hợp đồng tín dụng từng lần*” số 1722900078/HĐTDTL ngày 17/8/2017, “*Giấy nhận nợ*” số 1722900078/HĐTDTL ngày 25/8/2017 và Hợp đồng hạn mức tín dụng khi phát hành thẻ tín dụng Visa ngày 30/8/2017.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng B về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Cụ thể:

Trường hợp ông Nguyễn Hữu Đ không thanh toán được khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng B có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo “*Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*” được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Tú, thành phố Hà Nội số 4308.2017/HĐTC, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/8/2017.

Tài sản thế chấp được phát mại để thu hồi nợ là toàn bộ quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 30-2016, diện tích 194,8m² (gồm 100m² đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài và 94,8m² đất vườn, thời hạn sử dụng đến tháng 5/2054), địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 610906 do Sở Tài nguyên và Môi trường, thành phố Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Hữu Đoán ngày 22/11/2016, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS-CM 02792.

Phạm vi bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt trên lãi trong hạn chậm trả của ông Nguyễn Hữu Đ đối với Ngân hàng B theo “*Hợp đồng tín dụng từng lần*” số 1722900078/HĐTDTL ngày 17/8/2017, “*Giấy nhận nợ*” số 1722900078/HĐTDTL ngày 25/8/2017 và Hợp đồng hạn mức tín dụng khi phát hành thẻ tín dụng Visa ngày 30/8/2017.

Khi xử lý tài sản thế chấp thì tất cả những người đang sinh sống tại nhà, đất là tài sản thế chấp nêu trên phải di chuyển đi chỗ khác để thi hành án.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền thu được không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng B thì ông Nguyễn Hữu Đ phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng B.

Trường hợp số tiền thu được có giá trị lớn hơn số tiền ông Nguyễn Hữu Đ phải trả cho Ngân hàng B thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả lại cho ông Nguyễn Hữu Đ.

Trường hợp ông Nguyễn Hữu Đ trả được toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng B phải làm thủ tục giải chấp cho ông Nguyễn Hữu Đ theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Hữu Đ phải nộp 27.237.000 đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm;

- Hoàn trả Ngân hàng B số tiền 11.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004834 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng B và ông Nguyễn Hữu Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Hưng